| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG**<br>**TỈNH TIỀN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 01 - 2023
V/v tranh chấp *"Xin ly hôn, Nuôi con chung"*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Văn Lắm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ngô Văn Bi
2. Bà Phan Thị Thảo Sương

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Huyền Trân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông tham gia phiên tòa***: Ông Đoàn Khắc Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp *"Xin ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị Tr** - Sinh năm: 1982 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T H, xã T T, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang;

*2. Bị đơn:* **Đào Văn T** - Sinh năm: 1977 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: T H, xã T T, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tr trình bày:*

Chị và anh T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức cưới có đăng ký kết hôn vào 25/10/2007 tại Ủy ban nhân dân xã T T. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm

sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, sau đó đã ly thân không còn sống chung nữa. Nay xác định tình cảm không còn nên yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: có 02 con chung tên Đào Minh P, sinh ngày 05/12/2002 đã trưởng thành và Đào Minh K, sinh ngày 20/4/2011. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi cháu Kha.

Về cấp dưỡng nuôi con : chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung : không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

* *Quá trình tố tụng bị đơn anh Đào Văn T trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Tr về thời gian, điều kiện kết hôn. Nay chị Tr nộp đơn yêu cầu xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: có 02 con chung như chị Tr trình bày. Hiện con đang sống với vợ. Khi ly hôn, anh đồng ý để vợ nuôi con, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chưa yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: chưa yêu cầu giải quyết.

* *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

+ Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa anh Đào Văn T và chị Nguyễn Thị Tr.

+ Về con chung: giao con chung tên Đào Minh K, sinh ngày 20/4/2011 cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Tr không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con

+ Về tài sản chung: chưa yêu cầu giải quyết.

+ Về nợ chung: chưa yêu cầu giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, chị Tr, anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: đây là vụ án tranh chấp "Xin ly hôn, nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Tr về việc xin ly hôn, nuôi con chung; Hội đồng xét xử nhận thấy:

- *Về quan hệ hôn nhân*: chị Tr và anh T có quan hệ hôn nhân với nhau, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/10/2007 nên quan hệ hôn nhân của chị Tr và anh T là hợp pháp kể từ ngày đăng ký kết hôn.

Tại phiên tòa, anh chị đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nhưng qua xem xét lời trình bày của anh, chị tại Tòa án đã thể hiện. Anh, chị đã thuận tình ly hôn, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyên ly hôn của anh, chị.

[4] Về con chung: chị Tr, anh T trình bày anh chị có 02 con chung. Một cháu đã trưởng thành phát triển bình thường nên không đề cập đến, còn cháu Đào Minh K, sinh ngày 20/4/2011. Anh chị đều có ý kiến để chị Tr tiếp tục nuôi dưỡng cháu Kha, đồng thời chị Tr không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, ý kiến anh, chị phù hợp pháp luật nên ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Tr không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: chị Tr và anh T trình bày anh chị không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: chị Tr và anh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ: - khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;*

*- Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

***Tuyên xử:*** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị Tr.

1. Về quan hệ hôn nhân: **C**ông nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Tr và anh Đào Văn T.

2. Về nuôi con chung:

- Giao con chung Đào Minh K, sinh ngày 20/4/2011cho chị Nguyễn Thị Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: chị Tr chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị Tr và các thành viên trong gia đình chị Tr không được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Tr phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm là 75.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008315 ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông nên hoàn lại chị Tr số tiền 225.000 đồng.

Anh T phải chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Tr, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện TPĐ;
- Chi cục THADS huyện TPĐ;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện TPĐ;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đặng Văn Lắm**